TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2018/HN&GĐ-ST
Ngày: 07-11-2018
V/v Ly hôn S – Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1975 nơi cư trú: Số 151, tổ 05, ấp VT, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1975 nơi cư trú: Số 307, tổ 11, ấp VH, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện không ghi ngày tháng năm của ông Trần Văn S trình bày: Ông và bà Đ chung sống vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã VTT cấp chứng nhận kết hôn số 80 ngày 30 tháng 6 năm 2003. Ông nhận thấy tình cảm với bà Đ không còn hạnh phúc vì đã nhiều lần xảy ra cự cãi làm mất an ninh xóm ấp. Ông S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đ.

Ông và bà Đ có 02 con chung là Trần Thị Ng, sinh năm 2000 (đã thành niên) và Trần Văn G, sinh năm 2006, tùy vào nguyện vọng của con sống với ai cũng được.

Ông và bà Đ có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 5 năm 2018 của bà Võ Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với ông S về thời gian chung sống vào năm 2000, được Ủy ban nhân dân xã VTT cấp chứng nhận kết hôn số 80 ngày 30 tháng 6 năm 2003.

Năm 2017, bà nghe một số người ở xóm nói ông S có người phụ nữ khác nhưng ông S không thừa nhận. Từ đó, ông S thường ngủ riêng, mỗi khi bà gần gũi vợ chồng thì ông S xua đuổi và tuyên bố thôi bà.

Tháng 11 năm 2017, ông S yêu cầu bà đưa tiền mua cây cất nhà, bà đòi theo ông S để vợ chồng cùng mua thì ông S bực bội, chưởi mắng định đánh bà Đ. Bà sợ bị đánh nên về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhằm lánh mặt ông S. Khi bà đi, bà mong ông S thay đổi tính tình rồi vợ chồng cùng nhau chung sống, chăm lo cho con nhưng ông S khởi kiện xin ly hôn. Bà còn thương chồng và mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với ông S để lo tương lai cho con sau này.

Bà với ông S có 02 con chung là Trần Thị Ng, sinh ngày 03/7/2000 và Trần Văn G, sinh ngày 17/02/2006. Bà không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật xác định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Ông S và bà Đ có cự cải nhau, bà Đ bỏ nhà đi nhưng việc cự cải nhau xuất phát từ việc ông Sang muốn bà Đ đưa tiền cất nhà, bà Đ không đồng ý thì ông S kiếm chuyện cự cải, đòi đánh bà Đ. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra xuất phát từ ông S, do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu cho ông S ly hôn bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

Ông S và bà Đ chung sống với nhau vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã VTT cấp chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 6 năm 2003 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông S và bà Đ là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình.

Ông S và bà Đ có xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc ông S yêu cầu bà Đ đưa tiền mua cây cất nhà, bà Đ không đồng ý, đòi cùng đi mua cây thì ông S cự cải, định đánh bà Đ thì được can ngăn. Việc xây cất nhà là chuyện hệ trọng của mỗi gia đình,

cần có sự bàn bạc thống nhất của vợ chồng. Ông S thể hiện sự không bình đẳng trong quan hệ vợ chồng. Ông S có hành vi bạo hành gia đình, mâu thuẫn vợ chồng do ông S gây ra nhưng ông S nộp đơn xin ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Ông S khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S xin ly hôn với bị đơn bà Võ Thị Đ.

Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0002482 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trương hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn